SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.19/TN

Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**

Loại mẫu : **Nước sau xử lý tại nhà Máy Nước Bó Cá**

Số lượng mẫu : **01**

Ngày nhận mẫu : **ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (Giới hạn trên)	Phương pháp phân tích
1	*Tụ cầu vàng*(*)	CPU /100ml	0	**< 1**	TN8/HD/P/25.4
2	*Trực khuẩn mủ xanh*(*)	CPU /100ml	0	**< 1**	TCVN 8881:2011
3	Amoni(*)	mg/l	0,004	**0,3**	SMEWW4500 $NH4^+$: 2017
4	Hàm lượng Antimon (Sb)(*)	mg/l	KPH	**0,02**	SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,016	**0,7**	TCVN 6665:2011
6	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,013	**0,3**	TCVN 6635: 200
7	Hàm lượng Cadimi(*)	mg/l	KPH	**0,003**	SMEWW 3113B:2017
8	Chì(*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3113B:2017
9	Chỉ số Pecmanganat(*)	mg/l	1,12	**2**	TCVN 6186: 1996
10	Chromium (Cr)(*)	mg/l	0,004	**0,05**	SMEWW 3111B:2017
11	Đồng (Cu)(*)	mg/l	KPH	**1**	SMEWW 3111B:2017
12	Độ cứng tổng(*)	mg/l	37	**300**	SMEWW 2340Hardness-C: 2012
13	Florua(*)	mg/l	< 0,05	**1,5**	SMEWW 4500FD:2012
14	Kẽm (Zincum) (Zn)(*)	mg/l	0,097	**2**	SMEWW 3111B:2017
15	Mangan (Mn)(*)	mg/l	0,0997	**0,1**	SMEWW 3111B:2017
16	Natri(*)	mg/l	1,01	**200**	SMEWW 3500 Na: 2012

17	Nhôm(*)	mg/l	0,12	**0,2**	TCVN 6665:2011
18	Nickel (Ni)(*)	mg/l	0,0014	**0,07**	SMEWW 3113B:2017
19	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	0,4	**2**	SMEWW4500NO3-D:2012
20	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	0,004	**0,05**	SMEWW 4500NO2-B:2012
21	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	mg/l	KPH	**0,3**	SMEWW 3111B:2017
22	Seleni (Se)(*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3125B:2017
23	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	26	**250**	SMEWW 4500SO_4^{2-} E:2012
24	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/l	0,011	**0,05**	SMEWW 4500H2S D-:2012
25	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3112B:2017
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	654	**1000**	SOP _AB-TDS
27	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	<0,025	**0,05**	SMEWW4500-CN-C.F :2012
28	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 10	**2000**	US EPA 5021A
29	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	<1	**30**	US EPA 5021A
30	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	<1	**50**	US EPA 5021A
31	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
32	Diclorometan(*)	µg/l	< 10	**20**	US EPA 5021A
33	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 10	**40**	US EPA 5021A
34	Tricloroeten(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 5021A
35	Vinyl clorua(*)	µg/l	<0,01	**0,3**	US EPA 8260C
36	Benzen(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 8270D
37	Etylbenzen(*)	µg/l	< 10	**300**	US EPA 8270D
38	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
39	Styren(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
40	Toluen(*)	µg/l	<10	**700**	US EPA 8270D
41	Xylen(*)	µg/l	<10	**500**	US EPA 8270D
42	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	<10	**1000**	US EPA 8270D
43	Monoclo benzen(*)	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

44	Triclorobenzen(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
45	Acrylamide(*)	µg/l	<0,01	**0,5**	US EPA 8260C
46	Epiclohydrin(*)	µg/l	<0,01	**0,4**	US EPA 8260C
47	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 8270D
48	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8260C
49	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 2	**40**	US EPA 555
50	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 2	**20**	US EPA 555 US EPA 555
51	2,4-D(*)	µg/l	< 1	**30**	US EPA 555
52	2,4 DB(*)	µg/l	< 1	**90**	US EPA 555
53	Alachlor(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 507
54	Aldicarb(*)	µg/l	< 1	**10**	US EPA 1699
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	<0,1	**100**	US EPA 1699
56	Carbofuran(*)	µg/l	<0,1	**5**	US EPA 1699
57	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,1	**30**	US EPA 525.3
58	Clodane(*)	µg/l	<0,01	**0,2**	US EPA 8260C
59	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,0	**30**	US EPA 1699
60	Cyanazine(*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 525.3
61	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	<0,01	**1**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
62	Dichloprop(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 515.4
63	Fenoprop(*)	µg/l	<0,01	**9**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
64	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 10	**200**	US EPA 525.3
65	Isoproturon(*)	µg/l	<0,1	**9**	US EPA 1699

66	MCPA(*)	µg/l	<0,01	**2,0**	US EPA 8260C
67	Mecoprop(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 1699
68	Methoxychlor(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
69	Molinate(*)	µg/l	<0,1	**6**	US EPA 1699
70	Pendimetalin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
71	Permethrin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
72	Propanil(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
73	Simazine(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 525.3
74	Trifuralin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
75	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 50	**200**	US EPA 1699
76	Bromat (*)	µg/l	<0,1	**10**	TCVN 6494:1999
77	Bromodicloromethane(*)	µg/l	<10	**60**	US EPA 551.1
78	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
79	Clorofom(*)	µg/l	<0,01	**300**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
80	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**70**	SMEWW 6251: 2012
81	Dibromoclоromethane(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
82	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
83	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	<0,01	**50**	US EPA 551.1
84	Focmaldehyde(*)	µg/l	<10	**900**	US EPA 551.1
85	Monocloramin(*)	mg/l	<0,1	**3,0**	US EPA 8270D
86	Monochloroacetic acid(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
87	Tricloroaxetic acid(*)	µg/l	<10	**200**	US EPA 551.1

88	Tricloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,3	**1**	US EPA 551.1
89	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	<0,03	**0,1**	TCVN 6053: 2011
90	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	<0,1	**1,0**	TCVN 6219: 2011

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 05 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

QUACERT JAS-ANZ ISO 9001:2015

AOSC VLAT-0142

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.25/TN

01 **Tên đơn vị yêu cầu** : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 **Địa chỉ** : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 **Loại mẫu** : **Nước sinh hoạt tại trạm Suối Sặp**
04 **Số lượng mẫu** : **01**
05 **Biên bản giao mẫu** : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,64	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích) "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.30 /TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước giữa mạng lưới – Xí Nghiệp Cấp Nước TP số 1**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,43	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	**Điêu Khắc Đa**	**Đỗ Mạnh Thắng**

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.31/TN

01 **Tên đơn vị yêu cầu** : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 **Địa chỉ** : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 **Loại mẫu** : **Nước cuối mạng lưới – Xí Nghiệp Cấp Nước TP số 1**
04 **Số lượng mẫu** : **01**
05 **Biên bản giao mẫu** : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,35	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142
ISO 9001:2015
ISO/IEC 17025:2017
Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.29/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước sinh hoạt tại trạm Bưu Điện**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,58	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.38 /TN

01 **Tên đơn vị yêu cầu** : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 **Địa chỉ** : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 **Loại mẫu** : **Nước giữa mạng lưới – CNCN Mộc Châu**
04 **Số lượng mẫu** : **01**
05 **Biên bản giao mẫu** : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,52	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	**Điêu Khắc Đa**	**Đỗ Mạnh Thắng**

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.20/TN

Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
Loại mẫu : **Nước cuối mạng lưới - CNCN Mộc Châu**
Số lượng mẫu : **01**
Ngày nhận mẫu : **ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (Giới hạn trên)	Phương pháp phân tích
1	*Tụ cầu vàng*(*)	CPU /100ml	0	< 1	TN8/HD/P/25.4
2	*Trực khuẩn mủ xanh*(*)	CPU /100ml	0	< 1	TCVN 8881:2011
3	Amoni(*)	mg/l	0,005	0,3	SMEWW4500 $NH4^+$: 2017
4	Hàm lượng Antimon (Sb)(*)	mg/l	KPH	0,02	SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,023	0,7	TCVN 6665:2011
6	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,015	0,3	TCVN 6635: 200
7	Hàm lượng Cadimi(*)	mg/l	KPH	0,003	SMEWW 3113B:2017
8	Chì(*)	mg/l	KPH	0,01	SMEWW 3113B:2017
9	Chỉ số Pecmanganat(*)	mg/l	1,25	2	TCVN 6186: 1996
10	Chromium (Cr)(*)	mg/l	0,006	0,05	SMEWW 3111B:2017
11	Đồng (Cu)(*)	mg/l	KPH	1	SMEWW 3111B:2017
12	Độ cứng tổng(*)	mg/l	40	300	SMEWW 2340Hardness-C: 2012
13	Florua(*)	mg/l	< 0,05	1,5	SMEWW 4500FD:2012
14	Kẽm (Zincum) (Zn)(*)	mg/l	KPH	2	SMEWW 3111B:2017
15	Mangan (Mn)(*)	mg/l	KPH	0,1	SMEWW 3111B:2017
16	Natri(*)	mg/l	1,05	200	SMEWW 3500 Na: 2012

17	Nhôm(*)	mg/l	0,14	**0,2**	TCVN 6665:2011
18	Nickel (Ni)(*)	mg/l	0,0014	**0,07**	SMEWW 3113B:2017
19	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	0,6	**2**	SMEWW4500NO3-D:2012
20	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	0,009	**0,05**	SMEWW 4500NO2-B:2012
21	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	mg/l	KPH	**0,3**	SMEWW 3111B:2017
22	Seleni (Se)(*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3125B:2017
23	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	28	**250**	SMEWW 4500SO_4^{2-} E:2012
24	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/l	0,017	**0,05**	SMEWW 4500H2S D-:2012
25	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3112B:2017
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	662	**1000**	SOP _AB-TDS
27	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	<0,025	**0,05**	SMEWW4500-CN-C.F :2012
28	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 10	**2000**	US EPA 5021A
29	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	<1	**30**	US EPA 5021A
30	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	<1	**50**	US EPA 5021A
31	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
32	Diclorometan(*)	µg/l	< 10	**20**	US EPA 5021A
33	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 10	**40**	US EPA 5021A
34	Tricloroeten(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 5021A
35	Vinyl clorua(*)	µg/l	<0,01	**0,3**	US EPA 8260C
36	Benzen(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 8270D
37	Etylbenzen(*)	µg/l	< 10	**300**	US EPA 8270D
38	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
39	Styren(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
40	Toluen(*)	µg/l	<10	**700**	US EPA 8270D
41	Xylen(*)	µg/l	<10	**500**	US EPA 8270D
42	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	<10	**1000**	US EPA 8270D
43	Monoclo benzen(*)	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

44	Triclorobenzen(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
45	Acrylamide(*)	µg/l	<0,01	**0,5**	US EPA 8260C
46	Epiclohydrin(*)	µg/l	<0,01	**0,4**	US EPA 8260C
47	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 8270D
48	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8260C
49	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 2	**40**	US EPA 555
50	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 2	**20**	US EPA 555 US EPA 555
51	2,4-D(*)	µg/l	< 1	**30**	US EPA 555
52	2,4 DB(*)	µg/l	< 1	**90**	US EPA 555
53	Alachlor(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 507
54	Aldicarb(*)	µg/l	< 1	**10**	US EPA 1699
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	<0,1	**100**	US EPA 1699
56	Carbofuran(*)	µg/l	<0,1	**5**	US EPA 1699
57	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,1	**30**	US EPA 525.3
58	Clodane(*)	µg/l	<0,01	**0,2**	US EPA 8260C
59	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,0	**30**	US EPA 1699
60	Cyanazine(*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 525.3
61	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	<0,01	**1**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
62	Dichloprop(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 515.4
63	Fenoprop(*)	µg/l	<0,01	**9**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
64	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 10	**200**	US EPA 525.3
65	Isoproturon(*)	µg/l	<0,1	**9**	US EPA 1699

66	MCPA(*)	µg/l	<0,01	**2,0**	US EPA 8260C
67	Mecoprop(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 1699
68	Methoxychlor(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
69	Molinate(*)	µg/l	<0,1	**6**	US EPA 1699
70	Pendimetalin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
71	Permethrin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
72	Propanil(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
73	Simazine(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 525.3
74	Trifuralin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
75	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 50	**200**	US EPA 1699
76	Bromat (*)	µg/l	<0,1	**10**	TCVN 6494:1999
77	Bromodiclorometh ane(*)	µg/l	<10	**60**	US EPA 551.1
78	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
79	Clorofom(*)	µg/l	<0,01	**300**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
80	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**70**	SMEWW 6251: 2012
81	Dibromoclorometh ane(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
82	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
83	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	<0,01	**50**	US EPA 551.1
84	Focmaldehyde(*)	µg/l	<10	**900**	US EPA 551.1
85	Monocloramin(*)	mg/l	<0,1	**3,0**	US EPA 8270D
86	Monochloroacetic acid(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
87	Tricloroaxetic acid(*)	µg/l	<10	**200**	US EPA 551.1

88	Tricloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,3	1	US EPA 551.1
89	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	<0,03	0,1	TCVN 6053: 2011
90	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	<0,150	1	TCVN 6219: 2011

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp " ": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 05 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.28/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước sinh hoạt tại trạm Phiêng Ban**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,54	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.36 /TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước giữa mạng lưới – CNCN Bắc Yên**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,48	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.37 /TN

01 **Tên đơn vị yêu cầu** : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 **Địa chỉ** : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 **Loại mẫu** : **Nước cuối mạng lưới – CNCN Bắc Yên**
04 **Số lượng mẫu** : **01**
05 **Biên bản giao mẫu** : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	< 1	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	< 1	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	0,3	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,50	200	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	2	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	10	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	1,0	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	300	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.27/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước sinh hoạt tại trạm Nà Xá**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,66	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142
ISO 9001:2015
ISO/IEC 17025:2017
Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.34 /TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước giữa mạng lưới – CNCN Phù yên**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,36	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	**Điêu Khắc Đa**	**Đỗ Mạnh Thắng**

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.35 /TN

01 Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 Loại mẫu : **Nước Cuối mạng lưới – CNCN Phù yên**
04 Số lượng mẫu : **01**
05 Biên bản giao mẫu : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	< 1	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	< 1	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	0,3	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,44	200	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	2	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	10	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	1,0	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	300	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.33 /TN

01 **Tên đơn vị yêu cầu** : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 **Địa chỉ** : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 **Loại mẫu** : **Nước giữa mạng lưới – CNCN Yên Châu**
04 **Số lượng mẫu** : **01**
05 **Biên bản giao mẫu** : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,42	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	**Điêu Khắc Đa**	**Đỗ Mạnh Thắng**

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.21/TN

Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
Loại mẫu : **Nước cuối mạng lưới - CNCN Yên Châu**
Số lượng mẫu : **01**
Ngày nhận mẫu : **ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (Giới hạn trên)	Phương pháp phân tích
1	*Tụ cầu vàng*(*)	CPU /100ml	0	< 1	TN8/HD/P/25.4
2	*Trực khuẩn mủ xanh*(*)	CPU /100ml	0	< 1	TCVN 8881:2011
3	Amoni(*)	mg/l	0,008	0,3	SMEWW4500 $NH4^+$: 2017
4	Hàm lượng Antimon (Sb)(*)	mg/l	KPH	0,02	SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,026	0,7	TCVN 6665:2011
6	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,017	0,3	TCVN 6635: 200
7	Hàm lượng Cadimi(*)	mg/l	KPH	0,003	SMEWW 3113B:2017
8	Chì(*)	mg/l	KPH	0,01	SMEWW 3113B:2017
9	Chỉ số Pecmanganat(*)	mg/l	1,27	2	TCVN 6186: 1996
10	Chromium (Cr)(*)	mg/l	0,007	0,05	SMEWW 3111B:2017
11	Đồng (Cu)(*)	mg/l	KPH	1	SMEWW 3111B:2017
12	Độ cứng tổng(*)	mg/l	42	300	SMEWW 2340Hardness-C: 2012
13	Florua(*)	mg/l	< 0,05	1,5	SMEWW 4500FD:2012
14	Kẽm (Zincum) (Zn)(*)	mg/l	KPH	2	SMEWW 3111B:2017
15	Mangan (Mn)(*)	mg/l	KPH	0,1	SMEWW 3111B:2017
16	Natri(*)	mg/l	1,12	200	SMEWW 3500 Na: 2012

17	Nhôm(*)	mg/l	0,17	**0,2**	TCVN 6665:2011
18	Nickel (Ni)(*)	mg/l	KPH	**0,07**	SMEWW 3113B:2017
19	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	0,5	**2**	SMEWW4500NO3-D:2012
20	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	0,007	**0,05**	SMEWW 4500NO2-B:2012
21	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	mg/l	KPH	**0,3**	SMEWW 3111B:2017
22	Selen (Se)(*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3125B:2017
23	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	29,3	**250**	SMEWW 4500SO_4^{2-} E:2012
24	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/l	0,019	**0,05**	SMEWW 4500H2S D-:2012
25	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3112B:2017
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	667	**1000**	SOP _AB-TDS
27	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	<0,025	**0,05**	SMEWW4500-CN-C.F :2012
28	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 10	**2000**	US EPA 5021A
29	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	<1	**30**	US EPA 5021A
30	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	<1	**50**	US EPA 5021A
31	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
32	Diclorometan(*)	µg/l	< 10	**20**	US EPA 5021A
33	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 10	**40**	US EPA 5021A
34	Tricloroeten(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 5021A
35	Vinyl clorua(*)	µg/l	<0,01	**0,3**	US EPA 8260C
36	Benzen(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 8270D
37	Etylbenzen(*)	µg/l	< 10	**300**	US EPA 8270D
38	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
39	Styren(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
40	Toluen(*)	µg/l	<10	**700**	US EPA 8270D
41	Xylen(*)	µg/l	<10	**500**	US EPA 8270D
42	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	<10	**1000**	US EPA 8270D
43	Monoclo benzen(*)	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

44	Triclorobenzen(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
45	Acrylamide(*)	µg/l	<0,01	**0,5**	US EPA 8260C
46	Epiclohydrin(*)	µg/l	<0,01	**0,4**	US EPA 8260C
47	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 8270D
48	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8260C
49	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 2	**40**	US EPA 555
50	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 2	**20**	US EPA 555 US EPA 555
51	2,4-D(*)	µg/l	< 1	**30**	US EPA 555
52	2,4 DB(*)	µg/l	< 1	**90**	US EPA 555
53	Alachlor(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 507
54	Aldicarb(*)	µg/l	< 1	**10**	US EPA 1699
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	<0,1	**100**	US EPA 1699
56	Carbofuran(*)	µg/l	<0,1	**5**	US EPA 1699
57	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,1	**30**	US EPA 525.3
58	Clodane(*)	µg/l	<0,01	**0,2**	US EPA 8260C
59	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,0	**30**	US EPA 1699
60	Cyanazine(*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 525.3
61	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	<0,01	**1**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
62	Dichloprop(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 515.4
63	Fenoprop(*)	µg/l	<0,01	**9**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
64	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 10	**200**	US EPA 525.3
65	Isoproturon(*)	µg/l	<0,1	**9**	US EPA 1699

66	MCPA(*)	µg/l	<0,01	**2,0**	US EPA 8260C
67	Mecoprop(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 1699
68	Methoxychlor(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
69	Molinate(*)	µg/l	<0,1	**6**	US EPA 1699
70	Pendimetalin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
71	Permethrin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
72	Propanil(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
73	Simazine(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 525.3
74	Trifuralin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
75	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 50	**200**	US EPA 1699
76	Bromat (*)	µg/l	<0,1	**10**	TCVN 6494:1999
77	Bromodicloromethane(*)	µg/l	<10	**60**	US EPA 551.1
78	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
79	Clorofom(*)	µg/l	<0,01	**300**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
80	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**70**	SMEWW 6251: 2012
81	Dibromoclоromethane(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
82	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
83	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	<0,01	**50**	US EPA 551.1
84	Focmaldehyde(*)	µg/l	<10	**900**	US EPA 551.1
85	Monocloramin(*)	mg/l	<0,1	**3,0**	US EPA 8270D
86	Monochloroacetic acid(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
87	Tricloroaxetic acid(*)	µg/l	<10	**200**	US EPA 551.1

88	Tricloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,3	1	US EPA 551.1
89	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	<0,03	0,1	TCVN 6053: 2011
90	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	<0,150	1	TCVN 6219: 2011

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới hạn phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 05 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.26/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước sinh hoạt tại trạm Bắt Đông**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,65	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142
ISO 9001:2015
ISO/IEC 17025:2017
Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2021.3.22.32/TN

01 **Tên đơn vị yêu cầu** : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02 **Địa chỉ** : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03 **Loại mẫu** : **Nước giữa mạng lưới – Xí Nghiệp Cấp Nước TP số 2**
04 **Số lượng mẫu** : **01**
05 **Biên bản giao mẫu** : **Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,37	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B
10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	**1**	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	**Điêu Khắc Đa**	**Đỗ Mạnh Thắng**

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG

PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.22/TN

Tên đơn vị yêu cầu : **Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**

Địa chỉ : **Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**

Loại mẫu : **Nước cuối mạng lưới - Xí Nghiệp Cấp Nước TP số 2**

Số lượng mẫu : **01**

Ngày nhận mẫu : **ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT (Giới hạn trên)	Phương pháp phân tích
1	*Tụ cầu vàng*(*)	CPU /100ml	0	< 1	TN8/HD/P/25.4
2	*Trực khuẩn mủ xanh*(*)	CPU /100ml	0	< 1	TCVN 8881:2011
3	Amoni(*)	mg/l	0,009	0,3	SMEWW4500 $NH4^+$: 2017
4	Hàm lượng Antimon (Sb)(*)	mg/l	KPH	0,02	SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Bari(*)	mg/l	0,028	0,7	TCVN 6665:2011
6	Hàm lượng Bo(*)	mg/l	0,019	0,3	TCVN 6635: 200
7	Hàm lượng Cadimi(*)	mg/l	KPH	0,003	SMEWW 3113B:2017
8	Chì(*)	mg/l	KPH	0,01	SMEWW 3113B:2017
9	Chỉ số Pecmanganat(*)	mg/l	1,26	2	TCVN 6186: 1996
10	Chromium (Cr)(*)	mg/l	0,008	0,05	SMEWW 3111B:2017
11	Đồng (Cu)(*)	mg/l	KPH	1	SMEWW 3111B:2017
12	Độ cứng tổng(*)	mg/l	41	300	SMEWW 2340Hardness-C: 2012
13	Florua(*)	mg/l	< 0,05	1,5	SMEWW 4500FD:2012
14	Kẽm (Zincum) (Zn)(*)	mg/l	KPH	2	SMEWW 3111B:2017
15	Mangan (Mn)(*)	mg/l	KPH	0,1	SMEWW 3111B:2017
16	Natri(*)	mg/l	1,18	200	SMEWW 3500 Na: 2012

17	Nhôm(*)	mg/l	0,19	**0,2**	TCVN 6665:2011
18	Nickel (Ni)(*)	mg/l	KPH	**0,07**	SMEWW 3113B:2017
19	Hàm lượng Nitrat (*)	mg/l	0,7	**2**	SMEWW4500NO3-D:2012
20	Hàm lượng Nitrit (*)	mg/l	0,009	**0,05**	SMEWW 4500NO2-B:2012
21	Sắt (Ferrum) (Fe) (*)	mg/l	KPH	**0,3**	SMEWW 3111B:2017
22	Selen (Se)(*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3125B:2017
23	Sunfat (SO_4^{2-})(*)	mg/l	28,4	**250**	SMEWW4500SO_4^{2-} E:2012
24	Sunfua (S^{2-})(*)	mg/l	0,020	**0,05**	SMEWW 4500H2S D-:2012
25	Thủy ngân (Hg) (*)	mg/l	KPH	**0,01**	SMEWW 3112B:2017
26	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*)	mg/l	657	**1000**	SOP _AB-TDS
27	Hàm lượng Xianua(*)	mg/l	<0,025	**0,05**	SMEWW4500-CN-C.F :2012
28	1,1,1 - Tricloroetan(*)	µg/l	< 10	**2000**	US EPA 5021A
29	1,2 Dicloroetan(*)	µg/l	<1	**30**	US EPA 5021A
30	1,2 Dicloroeten(*)	µg/l	<1	**50**	US EPA 5021A
31	Cacbontetraclorua(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
32	Diclorometan(*)	µg/l	< 10	**20**	US EPA 5021A
33	Tetracloroeten(*)	µg/l	< 10	**40**	US EPA 5021A
34	Tricloroeten(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 5021A
35	Vinyl clorua(*)	µg/l	<0,01	**0,3**	US EPA 8260C
36	Benzen(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 8270D
37	Etylbenzen(*)	µg/l	< 10	**300**	US EPA 8270D
38	Phenol và dẫn xuất của phenol(*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
39	Styren(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
40	Toluen(*)	µg/l	<10	**700**	US EPA 8270D
41	Xylen(*)	µg/l	<10	**500**	US EPA 8270D
42	1,2 - Diclorobenzen(*)	µg/l	<10	**1000**	US EPA 8270D
43	Monoclo benzen(*)	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D

44	Triclorobenzen(*)	µg/l	<5	**20**	US EPA 8270D
45	Acrylamide(*)	µg/l	<0,01	**0,5**	US EPA 8260C
46	Epiclohydrin(*)	µg/l	<0,01	**0,4**	US EPA 8260C
47	Hexacloro butadiene (*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 8270D
48	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8260C
49	1,2 – Dicloropropan (*)	µg/l	< 2	**40**	US EPA 555
50	1,3 - Dichloropropen(*)	µg/l	< 2	**20**	US EPA 555 US EPA 555
51	2,4-D(*)	µg/l	< 1	**30**	US EPA 555
52	2,4 DB(*)	µg/l	< 1	**90**	US EPA 555
53	Alachlor(*)	µg/l	< 1	**20**	US EPA 507
54	Aldicarb(*)	µg/l	< 1	**10**	US EPA 1699
55	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine (*)	µg/l	<0,1	**100**	US EPA 1699
56	Carbofuran(*)	µg/l	<0,1	**5**	US EPA 1699
57	Chlorpyrifos(*)	µg/l	<0,1	**30**	US EPA 525.3
58	Clodane(*)	µg/l	<0,01	**0,2**	US EPA 8260C
59	Clorotoluron(*)	µg/l	< 1,0	**30**	US EPA 1699
60	Cyanazine(*)	µg/l	<0,01	**0,6**	US EPA 525.3
61	DDT và dẫn xuất(*)	µg/l	<0,01	**1**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
62	Dichloprop(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 515.4
63	Fenoprop(*)	µg/l	<0,01	**9**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
64	Hydroxyatrazine(*)	µg/l	< 10	**200**	US EPA 525.3
65	Isoproturon(*)	µg/l	<0,1	**9**	US EPA 1699

66	MCPA(*)	µg/l	<0,01	**2,0**	US EPA 8260C
67	Mecoprop(*)	µg/l	<0,1	**10**	US EPA 1699
68	Methoxychlor(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
69	Molinate(*)	µg/l	<0,1	**6**	US EPA 1699
70	Pendimetalin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
71	Permethrin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
72	Propanil(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
73	Simazine(*)	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 525.3
74	Trifuralin(*)	µg/l	<0,1	**20**	US EPA 1699
75	2,4,6 Triclorophenol(*)	µg/l	< 50	**200**	US EPA 1699
76	Bromat (*)	µg/l	<0,1	**10**	TCVN 6494:1999
77	Bromodiclorometh ane(*)	µg/l	<10	**60**	US EPA 551.1
78	Bromoform (Bromofoc) (*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
79	Clorofom(*)	µg/l	<0,01	**300**	EPA 8081.B & TCVN 9241:2012
80	Dibromoaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**70**	SMEWW 6251: 2012
81	Dibromoclorometh ane(*)	µg/l	<10	**100**	US EPA 551.1
82	Dicloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
83	Axit dicloroaxetic(*)	µg/l	<0,01	**50**	US EPA 551.1
84	Focmaldehyde(*)	µg/l	<10	**900**	US EPA 551.1
85	Monocloramin(*)	mg/l	<0,1	**3,0**	US EPA 8270D
86	Monochloroacetic acid(*)	µg/l	<0,01	**20**	SMEWW 6251: 2012
87	Tricloroaxetic acid(*)	µg/l	<10	**200**	US EPA 551.1

88	Tricloroaxetonitril(*)	µg/l	<0,3	**1**	US EPA 551.1
89	Tổng hoạt độ α(*)	Bq/l	<0,03	**0,1**	TCVN 6053: 2011
90	Tổng hoạt độ β (*)	Bq/l	<0,150	**1**	TCVN 6219: 2011

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q.Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). Lod: giới han phát hiện của phương pháp. Loq: giới hạn định lượng của phương pháp pháp "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 05 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142 ISO 9001:2015 ISO/IEC 17025:2017 Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.24/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước sinh hoạt tại trạm Km 7**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2012
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,62	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 03 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Diêu Thị Thương	Diêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142
ISO 9001:2015
ISO/IEC 17025:2017
Las XD1098

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098
Địa chỉ: Đường Bản Cọ, Phường Chiềng An thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số : 2021.3.22.23/TN

01	**Tên đơn vị yêu cầu**	:	**Công ty cổ phần cấp nước Sơn La**
02	**Địa chỉ**	:	**Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La**
03	**Loại mẫu**	:	**Nước sinh hoạt tại trạm Viện 6**
04	**Số lượng mẫu**	:	**01**
05	**Biên bản giao mẫu**	:	**Ngày 25 tháng 02 năm 2021**

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	SMEWW 9213B:2011
2	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/100 ml	KPH	**< 1**	TCVN 8881: 2011
3	Bo	mg/L	<0,01	**0,3**	TCVN 6635: 2000
4	Na	mg/L	3,56	**200**	SMEWW 3111.B:2012
5	Cacbontetraclorua	µg/l	<0,01	**2**	US EPA 8260C
6	Benzen	µg/l	< 0,1	**10**	US EPA Method 5021B
7	Phenol và dẫn xuất của phenol	µg/l	<0,01	**1,0**	US EPA 8270D
8	Monoclo benzen	µg/l	<1	**300**	US EPA 8270D
9	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	<0,03	**0,1**	SMEWW 7110B

10	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	<0,150	1	SMEWW 7110B

Sơn La, ngày 22 tháng 3 năm 2021

Người thực hiện	Kiểm soát	Q .Giám đốc
Điêu Thị Thương	Điêu Khắc Đa	Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- *KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.*
- *Báo cáo này bao gồm 02 trang.*
- *Mẫu do khách hàng mang đến*
- *(*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.*
- *Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên*
- *Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng*

VLAT 0142
ISO 9001:2015
ISO/IEC 17025:2017
Las XD1098